

*TP Thanh Hóa, ngày 01 tháng 9 năm 2020*

Số: 21/2020/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 02/01/2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: số 108 phố T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Chiến T - Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa.

Địa chỉ: số 17 phố P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Ông Trần Văn L - sinh năm 1976.

Địa chỉ: SN 09 phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Nguyễn Thị N, sinh 1979.

Địa chỉ: Lô 29, Liên kề 25, Khu đô thị Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho ông Trần Văn L theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 31/8/2018 ông Trần Văn L ký “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 18900824/2018/HĐCVHM/NHCT420 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) để kinh doanh hàng tạp hóa, đồ mỹ ký; thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày giải ngân); lãi suất vay và lãi suất điều chỉnh ghi trên từng giấy nhận nợ.

Sau khi ký hợp đồng, cùng ngày 31/8/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho ông L vay số tiền 250.000.000đ tại giấy nhận nợ số 01, ngày 04/9/2018 Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho ông L vay số tiền 250.000.000đ tại giấy nhận nợ số 02.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp tài sản chung của ông L, bà N cho ông L vay vốn, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại số nhà 09 phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 138360, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 00289/1758/QĐ-UBND do UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/5/2011 mang tên ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 161170062/HĐBĐ ký ngày 26/8/2016 giữa Ngân hàng với ông L, bà N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: ngày 03/9/2019 là ngày đến hạn trả nợ gốc 250.000.000đ và ngày 04/9/2019 tiếp tục đến hạn trả nợ gốc 250.000.000đ nhưng ông L không trả cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo, làm việc với ông L nhiều lần, yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L vẫn không trả theo đúng cam kết đã thỏa thuận.

Tính đến ngày 24/8/2020, ông L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 535.472.125đ (trong đó nợ gốc 466.949.673đ, nợ lãi trong hạn 47.053.751đ, lãi quá hạn 21.468.701đ).

## 2.2. Phương thức và thời gian trả nợ cụ thể:

- Ông Trần Văn L sẽ thu xếp trả dần hàng tháng trong tổng số tiền còn nợ Ngân hàng và chậm nhất đến ngày 31/12/2020 ông L sẽ trả hết toàn bộ số nợ nêu trên.

Kể từ ngày 25/8/2020 ông Trần Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong.

- Hết thời hạn nêu trên, nếu ông Trần Văn L không trả đúng và đủ số tiền theo cam kết đã thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài

sản gắn liền với đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại SN 09 phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 138360, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 00289/1758/QĐ-UBND do UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/5/2011 mang tên ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị N) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 161170062/HĐBĐ ký ngày 26/8/2016 giữa Ngân hàng với ông L, bà Ng.

2.3. Về án phí: áp dụng khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần II, Điểm d Tiểu mục 1.4 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Ông Trần Văn L phải nộp 12.709.000đ (mười hai triệu bảy trăm linh chín ngàn đồng - làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí 12.320.000đ (mười hai triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000658 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thu Hà**